PHƯƠNG PHÁP VÀ TIẾP CẬN KINH TẾ CỦA JOHN M.KEYNES TỪ GÓC NHÌN DUY VẬT BIỆN CHỨNG CỦA CHỦ NGHĨA MÁC - LÊNIN

Vũ Thị Thanh Xuân[*]

Tóm tắt

John M. Keynes là một trong những nhân vật vĩ đại nhất của kinh tế học thế kỷ XX. Tuy nhiên, kể từ sau cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu 2009, những tư tưởng nguyên bản của Keynes mới có điều kiện trỗi dậy, và giới nghiên cứu lịch sử kinh tế mới có điều kiện thoát ra khỏi phương pháp tái hiện duy lý để xem xét và đánh giá thực sự các tư tưởng của Keynes. Sử dụng phương pháp tái hiện lịch sử, bài viết này tập trung xem xét, đánh giá về phương pháp và cách tiếp cận kinh tế của Keynes từ quan điểm duy vật biện chứng của Chủ nghĩa Mác - Lênin. Bài viết chỉ ra rằng bất kể sở hữu một trí tuệ vượt trội và điều kiện giáo dục tinh hoa của mình, các phương pháp và tiếp cận của Keynes nhìn chung vẫn mang các đặc điểm cơ bản của giai cấp tư sản đầu thế kỷ XX với sự đan xen giữa biện chứng và siêu hình, mang màu sắc duy tâm và bị ảnh hưởng bởi thuyết Bất khả tri. Trong tư tưởng cũng như hoạt động thực tiễn, Keynes vẫn dùng dằng giữa chủ nghĩa chiết trung và tính cách mạng nửa vời.

Từ khóa: *Chủ nghĩa Mác - Lênin, Chủ nghĩa duy vật biện chứng, Keynes, Kinh tế học trường phái Keynes, Tái hiện lịch sử.*

Mã số: 256. Ngày nhận bài: 11/04/2016. Ngày hoàn thành biên tập: 19/04/2016. Ngày duyệt đăng: 19/04/2016.

Abstract

John M. Keynes is among the greatest economists in the 20th century. However, original ideas of Keynes have been only returning since the 2009 global crisis. This provides studies on history of economic thought conditions for extending beyond the method of rational reconstruction. Using the method of historical reconstruction, this paper examines Keynes's methods and approaches in economic analysis from Marxian perspective. This paper found out that instead of Keynes's great intellectual and elite education, basically he still suffered from basic characteristics of the bourgeoisieclass in the early of 20th century whose thoughts were mixed betweendialectics and metaphysics. He also affected by idealism and agnosticism. Both in ideology and practice, Keynes volatiled in eclectic and proposed revolution by halves.

Key words: *Marxism and Leninism, Dialectical Materialism, Keynes, Keynesian economics, Historical reconstruction.*

Paper No. 256. Date of receipt: 11/04/2016. Date of revision: 19/04/2016. Date of approval: 19/04/2016.

1. Đặt vấn đề

John M. Keynes là một trong những nhân vật vĩ đại nhất của kinh tế học thế kỷ XX. Năm 2007, Paul Krugman đã viết trong lời giới thiệu ấn bản mới tác phẩm "Lý thuyết tổng quát về việc làm, lãi suất và tiền tệ" của Keynes (từ đây chúng tôi gọi tắt là Lý thuyết tổng quát) rằng Keynes không phải là một nhà xã hội chủ nghĩa, càng không phải xuất

[*] TS, Trường Đại học Ngoại thương; email: thanhxuan@ftu.edu.vn

hiện để chôn vùi chủ nghĩa tư bản, mà là để cứu vãn nó (Royal Economic Society, 2009) khỏi "sấm sét tư tưởng" của chủ nghĩa Mác - Lênin. Ông cũng trực tiếp hoặc gián tiếp vun trồng nhiều thế hệ các nhà kinh tế sẽ truyền bá tư tưởng can thiệp của ông tới giới hoạch định chính sách. Nhiều trong số những người kế thừa tư tưởng của ông sau này đã đóng vai trò dẫn dắt lý luận hoặc điều hành những tổ chức có ảnh hưởng lớn trong phạm vi quốc gia và quốc tế như Quỹ tiền tệ quốc tế, Ngân hàng thế giới, các chính phủ và ngân hàng trung ương trên toàn thế giới (Olivier Blanchar, J. Stiglitz, S. Fischer, G. Mankiw…). Những tư tưởng nguyên bản của Keynes sau một thời gian bị lãng quên hoặc hiểu chưa đầy đủ do phương pháp tái hiện duy lý (rational reconstruction) ngự trị trong nghiên cứu lịch sử tư tưởng kinh tế đương đại đã trỗi dậy mạnh mẽ từ năm 2010 trở lại đây. Thật vậy, như Blanchard và cộng sự (2010) nhận xét cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu năm 2009 đã dẫn tới một cuộc khủng hoảng trầm trọng trong lý thuyết kinh tế học vĩ mô, đặt ra nhiều câu hỏi với kinh tế học dòng chủ lưu, mà hiện thân của nó là trường phái Tổng hợp tân cổ điển mới và trường phái Keynes mới tại châu Âu và Bắc Mỹ, là điều kiện thuận lợi cho sự trở lại của những tư tưởng Keynes nguyên bản, thường được gọi là kinh tế học của Keynes. Bài viết này tập trung xem xét, đánh giá phương pháp và cách tiếp cận phân tích kinh tế của Keynes dựa trên những tư tưởng nguyên bản đó. Bài viết được cấu trúc như sau: Sau phần giới thiệu, bài viết sẽ trình bày tổng quan về vấn đề nghiên cứu, trong đó tóm lược lý do tại sao kinh tế học (nguyên bản) của Keynes lại khác với các trường phái Keynes khác. Nội dung chính của bài viết là phần đánh giá phương pháp và cách tiếp cận kinh tế của Keynes từ góc nhìn duy vật biện chứng của Chủ nghĩa Mác - Lênin.

2. Tổng quan về vấn đề nghiên cứu

Ngoài Skidelsky (2011), trong hiểu biết tốt nhất của chúng tôi thì những nghiên cứu về phương pháp và tiếp cận phân tích của Keynes chủ yếu được thực hiện trên nền tảng trường phái tổng hợp tân cổ điển (hay kinh tế học trường phái Keynes) thay vì kinh tế học của Keynes. Điều này làm đánh giá phương pháp và cách tiếp cận kinh tế của Keynes trở thành đánh giá phương pháp và cách tiếp cận của một sự lồng ghép tân cổ điển và mang tính chủ quan, tình huống. Tất nhiên, điều này bắt nguồn từ sự khác biệt giữa kinh tế học của Keynes và các trường phái Keynes khác, mà chủ yếu là trường phái tổng hợp tân cổ điển đứng đầu là Paul Samuelson. Sự khác biệt như vậy xuất phát từ nhiều lý do:

Thứ nhất, Keynes đã không tham gia vào các cuộc tranh luận lý thuyết sau khi Lý thuyết tổng quát được xuất bản năm 1936 do điều kiện sức khỏe (ông bị suy tim nặng năm 1937 phải điều trị đặc biệt, được đặt dưới sự chăm sóc và giám sát sức khỏe nghiêm ngặt). Thay vào đó, nhiều người khác bao gồm Joan Robinson (nhà kinh tế hậu Keynes), Alvin Hansen (nhà kinh tế học trường phái Keynes hay Tổng hợp tân cổ điển ở Mỹ) và John Hicks (nhà kinh tế học trường phái Keynes hay Tổng hợp tân cổ điển ở Anh) đã tham gia vào bảo vệ, diễn giải và phổ biến các tư tưởng kinh tế của Keynes trong Lý thuyết tổng quát bằng cách kết hợp với nhiều yếu tố của kinh tế học tân cổ điển. Hiện nay thuật ngữ *Kinh tế học trường phái Keynes* (Keynesian economics) dùng để chỉ những diễn giải của A. Hansen, J. Hicks và học trò của họ (Paul Samuelson, Franco Modigliani…) đối với các tư tưởng kinh tế của Keynes, mà sau này có nhiều điểm sẽ khác xa tư tưởng gốc. Những tên khác của Kinh tế học trường phái Keynes là trường phái Tân Keynesian (NeoKeynesian), trường phái Tổng hợp tân cổ

điển (Neoclasical Synthesis), trường phái Tổng hợp Keynes - Tân cổ điển, hoặc trường phái Keynes cũ (Old-Keynesian Economics[1] để phân biệt với trường phái Keynes mới - New-Keynesian Economics đang thống trị dòng chủ lưu của kinh tế học hiện nay)[2]. Paul Krugman nhận xét rằng, có lẽ bài báo điểm sách và diễn giải cuốn Lý thuyết Tổng quát của Keynes với tiêu đề "Ngài Keynes và các nhà cổ điển: Một đề xuất diễn giải" đăng năm 1937 đã được đọc nhiều hơn so với bản thân cuốn Lý thuyết tổng quát.

Thứ hai, sau khi phục hồi sức khỏe vào năm 1939, chiến tranh thế giới thứ hai và nhiều hoạt động thực tiễn khác trên trường quốc tế đã cuốn hút Keynes hơn là việc phát triển và làm sáng rõ các quan điểm kinh tế của mình. Trong giai đoạn này ông đã trở thành thống đốc điều hành Ngân hàng trung ương Anh, được phong tước hiệu và được bổ nhiệm vào Thượng viện Anh. Khi chiến tranh thế giới thứ 2 sắp kết thúc, Keynes là đại diện của nước Anh tại Hội nghị Bretton Wood năm 1944, tham gia vào thỏa ước hòa bình, sáng lập Ngân hàng thế giới và Quỹ tiền tệ quốc tế. Sau chiến tranh, bất kể sức khỏe yếu, Keynes tiếp tục làm việc trong cương vị một nhà đàm phán quốc tế của Anh cho đến khi qua đời vào năm 1946.

Cuối cùng, do điều kiện lịch sử, nguồn gốc xuất thân và lập trường giai cấp, Keynes thường xuyên dao động và thiếu vắng một sự nhất quán trong tư tưởng của mình. Khi đọc "Những hậu quả kinh tế của hòa bình" công bố năm 1919 của Keynes, Lênin một mặt khen ngợi rằng "*Keynes đã đi đến nhiều kết luận có trọng lượng hơn, ấn tượng mạnh mẽ hơn và thuyết phục hơn bất cứ một nhà cách mạng cộng sản nào khác có thể rút ra*" (V.I.Lênin, 1920), mặt khác Lênin cũng phê phán Keynes về sự yếu mềm và dao động rằng, ông nhìn thấy bản chất mâu thuẫn và tàn bạo của chủ nghĩa đế quốc nhưng không dám phủ định nó. Chính sự dao động, thiếu nhất quán thường xuyên của Keynes làm cho tư tưởng của ông trở thành đa nghĩa, đa cách hiểu và thường xuyên thay đổi. Paul Samuelson đã từng nói đùa rằng nếu Quốc hội hỏi ý kiến 6 nhà kinh tế về bất cứ chủ đề gì thì đều sẽ luôn nhận được 7 câu trả lời khác nhau, trong đó 2 câu trả lời đến từ Keynes. Paul Samuelson và Joan Robinson cũng kể lại rằng Keynes đã từng bao biện trước những phàn nàn về sự thiếu nhất quán của ông rằng khi thông tin đầu vào thay đổi thì ông thay đổi kết luận của mình. Nhưng điều đó không làm thay đổi việc Lênin xem ông là một nhà lý luận tư sản "ẩm ướt" - với ý nghĩa là hay dao động.

3. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu này được thực hiện trên cơ sở phương pháp luận duy vật biện chứng của Chủ nghĩa Mác - Lênin. Cụ thể, khi đánh giá Keynes chúng tôi đặt tư tưởng của Keynes

[1] Trường phái Keynes sẽ nhanh chóng trở thành kinh tế học dòng chủ lưu bằng "Cuộc cách mạng trường phái Keynes" thống trị kinh tế học hiện đại đến tận nhưng năm 1970, khi các nhà tiền tệ Chicago, dẫn đầu là Milton Friedman (Nobel kinh tế 1976) và các nhà vĩ mô cổ điển mới với "cuộc cách mạng của kỳ vọng hợp lý" dẫn đầu bởi Robert Lucas (Nobel kinh tế 1995), Robert Barro và Thomas Sargent (Nobel kinh tế 2011) tiến hành những cuộc tấn công dồn dập về tư tưởng.

[2] Chúng tôi cũng lưu ý rằng hiện nay ở Việt Nam vẫn sử dụng thuật ngữ Trường phái chính hiện đại để chỉ những tư tưởng của phái Tổng hợp tân cổ điển, hay chính là kinh tế học trường phái Keynes vốn được dẫn dắt bởi Paul Samuelson. Chúng tôi cho rằng cách hiểu này bắt nguồn từ sai sót trong dịch thuật từ thuật ngữ "mainstream", tức kinh tế học dòng chủ lưu, trong thực tế lịch sử tư tưởng kinh tế không có cái gọi là trường phái chính hiện đại. Liên quan tới vấn đề này có thể tham khảo thêm, chẳng hạn, Phạm Văn Chiến (2008).

trong sự vận động của lịch sử và truyền thống kinh tế học mà ông kế thừa. Quán triệt quan điểm lịch sử - cụ thể của phương pháp luận duy vật biện chứng, chúng tôi gắn những nhận định về Keynes trong những bối cảnh cụ thể, với những điều kiện cụ thể để không thoát ly khỏi cái cơ sở hiện tồn mà từ đó làm tư tưởng của Keynes nảy nở. Về phương pháp nghiên cứu, bài viết sử dụng phương pháp tái hiện lịch sử, theo đó chúng tôi dựa trên những tác phẩm nguyên bản của Keynes để xem xét phương pháp và cách tiếp cận mà ông sử dụng trong phân tích kinh tế, tránh cách diễn giải lại những ý tưởng của Keynes dưới những lăng kính khác nhau trong những giai đoạn phát triển khác nhau của kinh tế học. Những tác phẩm của Keynes được sử dụng trong đánh giá bao gồm "Những hậu quả kinh tế của hòa bình" (1919), "Khảo luận về xác suất" (1921), "Một khảo luận về cải cách tiền tệ", "Một khảo luận về tiền tệ" (1930), "Các phương tiện để đi tới thịnh vượng" (1933) và "Lý thuyết tổng quát về việc làm, lãi suất và tiền tệ" (1936). Chúng tôi cũng xem đánh giá trong Skidelsky (2009) và Skidelsky (2011) của nhà kinh tế hậu Keynes, đồng thời là người viết tiểu sử cho Keynes, có nội dung gần gũi với quan điểm của Keynes, vì vậy sử dụng tác phẩm này trong phân tích, so sánh.

4. Đánh giá về phương pháp và tiếp cận phân tích kinh tế của Keynes

Về phương pháp, Keynes được đào tạo trong bối cảnh phát triển mạnh mẽ của cuộc Cách mạng cận biên với ba trụ cột là Jevons ở Anh, Leon Walras ở Thụy sĩ và Carl Menger ở Áo. Tuy nhiên, ông bị ảnh hưởng sâu sắc hơn cả từ kinh tế học tân cổ điển trường phái Cambridge đứng đầu là Alfred Marshall và hoàn toàn xa lạ với cách tiếp cận thuần khiết toán học của Leon Walras.

Nếu như Marshall đã từng diễn giải phương pháp phân tích kinh tế bao gồm cả khâu "đốt bỏ các công thức toán" và dịch ngôn ngữ toán học ra tiếng Anh thuần khiết thì Keynes còn đi xa hơn thế. Trong một trích dẫn nổi tiếng, Keynes (1936) cho rằng kinh tế học là khoa học của tư duy trên cơ sở các mô hình kinh tế, kết hợp với việc lựa chọn các mô hình phù hợp với thế giới đương đại. Keynes cho rằng sở dĩ nhà kinh tế phải sử dụng phương pháp này là vì đối tượng của kinh tế học không giống các đối tượng của khoa học tự nhiên trên nhiều phương diện và không đồng nhất theo thời gian. Một nhà kinh tế tốt, theo Keynes, là người có khả năng bắt đầu từ việc sử dụng và dựa trên những quan sát cẩn trọng mà lựa chọn một mô hình tốt để giải thích thế giới. Ở khía cạnh này, phương pháp tiếp cận của Keynes gần với nhận thức luận biện chứng của chủ nghĩa Mác Lênin: đi từ trực quan sinh động đến tư duy trừu tượng và từ tư duy trừu tượng đến thực tiễn.

Cũng giống như Marshall, Keynes có hiểu biết sâu sắc về toán. Thật ra, Keynes đến Cambridge là để học toán, bất chấp lời van nài của Marshall đề nghị Keynes chuyển sang nghiên cứu kinh tế học một cách chuyên nghiệp. Keynes đã chỉ dành 8 tuần trong một học kỳ ở Cambridge để học Marshall một cách không chính thức, sau khi đã nhận bằng cử nhân toán học của Cambridge. Keynes đã được đào tạo chính thống về kinh tế học ít hơn bất kỳ nhà kinh tế học có ảnh hưởng nào khác kể từ thời ông sống (trước đó, có thể là David Ricardo). Keynes được học kinh tế nhiều nhất có lẽ nhờ vào vị trí đồng biên tập Tạp chí Kinh tế, tạp chí danh tiếng nhất thế giới về kinh tế học vào thời gian đó, do sự tiến cử của Marshall. Cũng giống như Marshall, Keynes thường để dành những công thức hay đồ thị toán học ở phần ghi chú hay phụ lục trong các

trước tác của mình. Keynes sử dụng mô hình toán như một công cụ để tư duy, nhưng khác với các nhà tân cổ điển, ông không phát kiến ra một mô hình lý tưởng về thế giới mà tại đó các quy luật vận động khách quan rồi mang mô hình đó soi chiếu với thực tiễn. Ở đây, ông sử dụng mô hình để nghiên cứu thực tiễn như nó vốn là, chứ không tạo ra một định kiến để hiểu thế giới. Việc Keynes nhắc tới và đề cao các quan sát cẩn trọng như một tiền đề quan trọng để bắt đầu việc nghiên cúu chính là để tránh những lý thuyết đã được định kiến sắp đặt trước trong việc hiểu thế giới. Mô hình hóa và trừu tượng hóa là một công cụ hữu ích để kiểm tra lại logic của lập luận chứ không phải là một thứ thay thế cho quan sát thực tiễn. Ở khía cạnh này, Keynes đã tiệm cận gần tới các quan điểm duy vật lịch sử khi phần nào mường tượng được tính chất quyết định của đời sống vật chất đối với nhận thức con người, tuy nhiên ông sẽ lạc bước khi đi sâu hơn nữa.

Cũng giống các nhà lý luận Mác - Lênin, Keynes tin rằng khoa học kinh tế là phương tiện, còn cứu cánh cuối cùng của nó là để cải tạo thế giới. Ông không bằng lòng với các nhà tân cổ điển khi nói về sự tự điều chỉnh của thị trường trong dài hạn. Ông xem dài hạn là một chỉ dẫn sai lầm và mỉa mai cay nghiệt rằng "*trong dài hạn tất cả chúng ta đều chết*" và nói về dài hạn thì chẳng khác nào nói rằng sau khi cơn bão qua đi thì bầu trời sẽ bình lặng trở lại, và nhà kinh tế sẽ chẳng có tích sự gì. Keynes viết rằng ông quan tâm không chỉ việc phân tích và chẩn đoán mà cả việc cứu chữa cho nền kinh tế dù ông ý thức được rằng việc cứu chữa nền kinh tế hoàn toàn phụ thuộc vào hoàn cảnh cụ thể với những điều kiện cụ thể. Điều này gợi nhớ đến những dòng cuối cùng Mác viết trong "Luận cương về Phoi ơ bắc" năm 1845 rằng "*Các nhà triết học đã chỉ giải thích thế giới bằng nhiều cách khác nhau, song vấn đề là cải tạo thế giới*" (C.Mác và Ph.Ăngghen,1995). Nhưng chính ở khía cạnh cải tạo thế giới, phương pháp luận của Keynes lại dao động và sa vào chủ nghĩa duy tâm. Keynes chủ trương cải tạo thế giới bằng tư tưởng, bằng ý thức thay vì các điều kiện vật chất, sử dụng "vũ khí phê phán" chứ không phải "việc phê phán bằng vũ khí" để làm thay đổi các điều kiện vật chất. Quá đề cao tư tưởng, ông sa vào việc xem tư tưởng là yếu tố quyết định đến việc cải thiện đời sống vật chất.

Tất nhiên, cũng cần đánh giá một cách khách quan rằng bản thân Keynes đã nhìn ra tính kế thừa và ảnh hưởng tích cực, chủ động của tư tưởng, ý thức tới thực tiễn và đời sống vật chất như các nhà lý luận Mác - Lênin. Chẳng hạn, ông viết trong chương "Những ghi chú cuối cùng" của Lý thuyết tổng quát rằng "*Các tư tưởng của các nhà kinh tế học và triết học chính trị, cả khi đúng cũng như khi sai, đều có ảnh hưởng to lớn hơn mức người ta thường nghĩ. Thật ra, thế giới bị cai trị chỉ bởi một số người. Những nhà hoạt động thực tiễn, vốn tự xem mình hoàn toàn miễn nhiễm khỏi các ảnh hưởng tư tưởng, thường là nô lệ của một vài nhà kinh tế quá cố nào đó…Tôi tin chắc rằng lợi ích được thụ hưởng sẽ khuyếch trương nhanh hơn rất nhiều so với sự tích lũy từ từ của tư tưởng, nhưng chính bản thân tư tưởng mới là thứ nguy hiểm cho cái thiện hay cái ác*" (Keynes, 1936). Tuy nhiên, Keynes đã đi quá xa khỏi tính năng động của ý thức bằng việc tuyệt đối hóa vai trò của tư tưởng, một mặt tách tư tưởng ra khỏi điều kiện hiện tồn của nó, mặt khác xem nó có tính chất quyết định đối với các hoạt động thực tiễn. Điều này đã biến phương pháp luận của Keynes thành phương pháp tiếp cận của chủ nghĩa duy tâm. Không có gì ngạc nhiên khi Keynes đã dành hầu hết cuộc đời mình trước khi công bố Lý thuyết tổng quan để chỉ trích, phê bình và cả chửi mắng chính phủ Anh vì đã không làm theo những

tư tưởng đúng đắn của mình. Không phải các nhà Mácxít, mà chính các nhà kinh tế học trường phái Lựa chọn công đứng đầu là James Buchanan (Nobel kinh tế 1986) mới là những người chỉ trích và chế giễu quan điểm này của Keynes. Họ chỉ ra và cảnh báo Keynes rằng những lợi ích vật chất từ tính đặc lợi, đặc quyền của giới quan chức và chính trị gia sẽ "*nắm giữ một cách hiệu quả các ý tưởng và chính sách tốt để làm con tin*" (Buchholz, 2007).

Ở *cách tiếp cận kinh tế* của Keynes cũng có một số điểm đáng chú ý.

Các nhà tân cổ điển trước Keynes đã rời trọng tâm của kinh tế học từ nghiên cứu sự gia tăng của cải sang nghiên cứu sự khan hiếm. Khi phân tích kinh tế như một chỉnh thể, họ tin tưởng và thậm chí còn công thức hóa định luật Say, rằng cung sẽ tạo ra cầu cho chính nó, mà sau này được trừu tượng hóa cao độ bằng sự cân bằng ở tất cả các thị trường trong mô hình cân bằng tổng quát của Leon Walras. Thị trường sẽ điều tiết để mọi hàng hóa sản xuất ra đều bán được hết, bởi vì sản lượng tăng thêm của doanh nghiệp sẽ chuyển hóa thành một danh nào đó của thu nhập: tiền lương của công nhân, lợi nhuận của nhà tư bản hay địa tô của chủ đất. Nhưng dù là ai thì đây đều là người tiêu dùng trên thị trường. Nếu người tiêu dùng không tiêu hết số tiền và để dưới dạng tiết kiệm thì thị trường vốn vay sẽ hoạt động: đầu tư sẽ phải cân bằng với tiết kiệm. Thất nghiệp hay khủng hoảng kinh tế chỉ là những điều chỉnh tạm thời của nền kinh tế trước khi quay về vị trí cân bằng.

Keynes lập luận rằng chẳng có gì đảm bảo rằng tất cả hàng hóa sản xuất ra sẽ được mua hết, chẳng có gì đảm bảo tiết kiệm sẽ cân bằng với đầu tư. Chẳng hạn, tiết kiệm có thể là phần chừa ra một cách chủ động *trước khi* ra quyết định chi tiêu, chứ không phải là phần *còn lại* của chi tiêu, nên không có lực lượng nào khiến tiết kiệm và đầu tư phải cân bằng. Keynes đã phát hiện ra điều mà hơn 60 năm trước Các Mác đã chỉ ra rằng định luật Say không thể thỏa mãn nếu người công nhân không sử dụng hết tiền lương để mua hàng hóa và *đồng thời* nhà tư bản cũng dùng hết lợi nhuận để mua hàng hóa.

Keynes cũng từ chối tư duy cân bằng mang tính cơ học của các nhà tân cổ điển như Marshall. Ông đã nhìn ra các vấn đề của dao động kinh tế với các cú sốc từ bên ngoài và ông không tin vào sự tự điều chỉnh nhanh chóng của nền kinh tế về vị trí "cân bằng" không có thực bởi vì kinh tế học, không giống với vật lý học, là khoa học đạo đức liên quan tới "*các vấn đề nội tâm và giá trị… liên quan tới động cơ, kỳ vọng và những ngẫu nhiên mang tính tâm lý*". Chính vì thế, với Keynes, con người không phải là các đối tượng khách quan bị động khác nên các phản ứng của con người mang tính bất trắc không lường trước được, hoàn toàn khác với các dao động của con lắc trước một lực tác động. Hành vi con người phụ thuộc vào kỳ vọng, nhưng từ kỳ vọng đến hiểu đúng là một chặng đường rất xa, và ở giữa hai thứ đó còn là niềm tin của con người vào kỳ vọng mình đang nắm giữ. Kỳ vọng và niềm tin vào kỳ vọng của con người mang tính quyết định tới các quyết định duy lý mang tính bất trắc của hành vi con người.

Để hiểu tính bất trắc của hành vi con người, Keynes sử dụng xác suất. Thật ra, Keynes đã dành toàn bộ thời gian học đại học ở Cambridge để viết luận văn về xác suất, và sau đó năm 1921 xuất bản thành sách "Khảo luận về xác suất". Keynes chỉ ra sự khác nhau giữa xác suất định lượng, xác suất thứ bậc và xác suất không thể biết, hay bất trắc. Keynes phân biệt bất trắc với rủi ro ở chỗ rủi ro thì có thể đo lường bằng xác suất, nhưng bất trắc thì không. Có những thứ là bất trắc mang tính

nhận thức luận, vì chúng ta không có đủ thông tin để xử lý. Ví dụ, dưới chế độ điểm của ai người ấy biết thì khi một sinh viên nhận được điểm của mình, việc cậu có đứng đầu lớp hay không là một điều không chắc chắn mang tính nhận thức luận: cậu ta không có đủ thông tin để kết luận, không có thông tin để áp bất cứ một thứ bậc hay con số nào cho khả năng cậu ta sẽ đứng đầu. Tuy nhiên về mặt bản thể luận, vấn đề có thể giải quyết nếu cậu ta có đầy đủ thông tin, chẳng hạn bằng việc đi hỏi điểm tất cả mọi người trong lớp, hoặc nếu nhà trường thay đổi chính sách bằng cách thông báo bảng điểm của cả lớp.

Nhưng có bất trắc mang tính bản thể luận chứ không chỉ nhận thức luận, đơn giản là vì chúng ta không thể nói được gì hơn, không thể biết dù có bao nhiêu thông tin đi nữa. Những nhà kinh tế được đào tạo tại các trường kinh tế tốt nhất thế giới vào những năm 1980 sẽ không bao giờ dự đoán được rằng đến năm 2010 lãi suất ở Hoa Kỳ sẽ về đến 0. Bởi vì không ai dự đoán được cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu năm 2009 sẽ xảy ra. Và cũng không ai biết Cục dự trữ liên bang Hoa Kỳ sẽ phản ứng như thế nào bằng chính sách tiền tệ[3]. Keynes đã nói chắc nịch rằng "*đơn giản là chúng ta không biết*", và gọi đó là bất trắc tối giản. Những ý tưởng này mang màu sắc của thuyết bất khả tri. Chúng tôi cho rằng điều này cũng không mấy ngạc nhiên, vì có lẽ Keynes bị ảnh hưởng bởi Geogre Moore trong nhóm tinh hoa Bloomsbury ở Cambridge. Chính vì những bất trắc tối giản mà ngay cả những con người duy lý trong tình trạng thông tin đầy đủ nhất hiện có cũng tin tưởng và hành xử sai lầm bởi vì một niềm tin duy lý không nhất thiết phải là một niềm tin đúng. Nếu sau này có những bằng chứng cho thấy niềm tin trước đây của người đó *sai* không có nghĩa là niềm tin trước đó của anh ta là *không hợp lý*.

Ở khía cạnh này Keynes cũng đã bước một bước rất xa khỏi truyền thống tân cổ điển. Thị trường chệch ra khỏi cân bằng không chỉ vì nó phụ thuộc vào bản chất mang tính xúc cảm của con người, mà còn vì tương lai là bất trắc. Nếu thị trường dao động chỉ vì sự phi lý do xúc cảm con người thì khi mỗi cá nhân có đầy đủ thông tin thì thị trường có thể ổn định ở mức cân bằng. Nhưng nếu thị trường dao động do tương lai là bất trắc thì những bất ổn thị trường ấy nằm ngoài giới hạn của hiểu biết con người, và thị trường không thể cân bằng. Nói cách khác, bản chất của thị trường là không cân bằng và tình huống cân bằng trên thị trường là một tình huống hoàn toàn ngẫu nhiên. Keynes đã chạm đến rất gần cái lớp vỏ cuối cùng của chủ nghĩa tư bản khi ông nhận thấy khiếm khuyết mang tính bản chất của chủ nghĩa tư bản, vốn là thứ không thể điều hòa. Nhưng thay vì cùng Mác "tìm đến giai cấp công nhân như một lực lượng vật chất" để giải quyết mâu thuẫn nội tại trong lòng chủ nghĩa tư bản một cách triệt để thì Keynes lại phân vân, do dự rồi cuối cùng tìm cách cứu chữa cho những cơn đau của chủ nghĩa tư bản bằng các can thiệp của chính phủ vào thị trường.

Chính từ quan điểm về bất trắc tối giản mà Keynes rất dè dặt trong các kỹ thuật kinh tế lượng như phân tích hồi quy. Với việc thiết lập các tham số, thêm bớt các biến độc lập và lựa chọn các độ trễ thời gian một cách có chủ đích, rồi đặt chúng trong những quan hệ

[3] Hãy nhớ rằng các nhà kinh tế Hoa Kỳ thường xuyên chỉ trích chính sách lãi suất bằng 0 của Ngân hàng trung ương Nhật Bản nhằm đương đầu với suy thoái kinh tế từ những năm 1990 đến nay, trước khi bản thân nền kinh tế Hoa Kỳ phải đối mặt với Đại suy thoái

giả tưởng vốn rất có thể là không đồng nhất theo thời gian đều là các thao tác sai về tư duy. Ngoài ra, rất nhiều các ảnh hưởng quan trọng không thể đo lường trên phương diện thống kê. Keynes viết "*những quyết định mang tính cá nhân, chính trị hay kinh tế, đều không phụ thuộc vào những kỳ vọng toán học chính xác, bởi vì cơ sở để đưa ra những tính toán như vậy không hề tồn tại*" (Keynes, 1921). Skidelsky - người viết tiểu sử của Keynes - đã diễn giải rất hay về ý này, rằng với Keynes "*tương lai không phải thứ đang đứng ngoài kia đợi chúng ta thấu hiểu, mà chúng ta tạo ra tương lai*" (Skidelsky, 2009) và vì thế Skidelsky xem bất trắc tối giản là chìa khóa để hiểu đúng kinh tế học của Keynes.

Khác các nhà lý luận Mácxít, Keynes không tin vào khả năng nhận thức được các bước tiến lịch sử của con người, không tin vào các quy luật xã hội khách quan tác động tới sự phát triển của lịch sử loài người. Keynes cũng không nhận thức được cái vòng xoáy trôn ốc mà tại đó sự đấu tranh giữa các mặt đối lập sẽ thúc đẩy các khía cạnh của lịch sử nhân loại lên trình độ phát triển cao hơn, mà bản thân sự tỏa sáng, lu mờ và hồi sinh của tư tưởng Keynes cũng không nằm ngoài quy luật đó. Và tất nhiên, nếu con người không thể nhận thức được lịch sử thì con người không có phương cách nào hay cơ sở nào để tiến hành các cuộc cách mạng xã hội. Cách mạng, với Keynes, chỉ là một sự cố lịch sử chứ không phải là một tất yếu lịch sử. Ông viết rằng khi cuộc cách mạng giai cấp nổ ra, người ta sẽ thấy ông đứng về phe các nhà tư sản, bất kể những khuyến nghị kinh tế mà ông theo đuổi luôn được xem là có màu sắc xã hội chủ nghĩa vào thời ông sống. Nhưng do bản chất hay thay đổi và tính chiết trung trong các ý tưởng của Keynes, chúng ta có thể hồ nghi vào một phe thực sự mà Keynes sẽ chọn khi cách mạng nổ ra. Với chúng ta, và có thể cả với Keynes, lựa chọn này cũng là một bất trắc tối giản.

5. Kết luận

Các tư tưởng kinh tế của Keynes có ảnh hưởng rộng khắp trên toàn thế giới, nhất là ở các nước tư bản phát triển. Keynes đã sống vào thời kỳ chứng kiến những va vấp của chủ nghĩa tư bản và cung cấp cho nó một phương thuốc ngoài da hiệu quả. Nhưng phương pháp và cách tiếp cận của Keynes về cơ bản vẫn không thoát ra khỏi hệ tư tưởng của các trí thức tư sản đầu thế kỷ XX với tiếp cận đan xen giữa biện chứng và siêu hình, mang màu sắc duy tâm và bị ảnh hưởng bởi thuyết Bất khả tri. Trong tư tưởng cũng như thực tiễn, Keynes vẫn dùng dằng giữa chủ nghĩa chiết trung và tính cách mạng nửa vời, không nhận thức được các quy luật khách quan của xã hội, không nhìn ra được những mâu thuẫn nội tại trong lòng chủ nghĩa tư bản hoặc ông nhìn ra nhưng cố tình phủ nhận chúng. Vì thế, ông đã không triệt để giải quyết những mâu thuẫn nội tại của chủ nghĩa tư bản ngay từ phương pháp và cách tiếp cận của mình. Muốn xem xét và cải tạo thế giới từ trạng thái hiện tồn của nó, nhưng Keynes không đi sâu vào bản chất mà bị cuốn hút bởi cái hiện tượng bên ngoài của các hiện tượng kinh tế. Điều này trở thành hạn chế trong phương pháp và cách tiếp cận của ông, khiến những tư tưởng của ông về bản chất không vượt ra khỏi cái khung tân cổ điển mang màu sắc kỹ trị mà ông thừa kế từ thế hệ trước mình.

Tư tưởng của Keynes sẽ còn ngự trị trong kinh tế học lâu dài dưới nhiều hình thức khác nhau. Các nhà lý luận Mácxít phải không ngừng cập nhật, chắt lọc những hạt nhân hợp lý trong các tư tưởng của Keynes, xem nó như tinh hoa trí tuệ nhân loại để soi rọi, đối chiếu và bổ sung cho các quan điểm Mácxít trong điều kiện và hoàn cảnh kinh tế

- xã hội mới. Bên cạnh đó, các nhà lý luận Mácxít cũng phải kiên quyết đấu tranh với những quan điểm siêu hình, duy tâm và xa lạ mà hoàn cảnh xã hội và vị trí giai cấp đã ảnh hưởng tới Keynes. Marshall đã từng viết đề từ cho cuốn Nguyên lý kinh tế học của mình bằng trích dẫn "*tự nhiên không làm nên những bước nhảy vọt bất ngờ*". Các giải pháp Keynes có thể tạm thời điều hòa các mâu thuận nội tại trong lòng chủ nghĩa tư bản nhưng từ bản chất các giải pháp này sẽ không thể làm thay đổi sự vận động từ từ nhưng tất yếu của nhân loại từ phương thức sản xuất chủ nghĩa tư bản sang một phương thức sản xuất mới hoàn thiện hơn với một quan hệ sản xuất mới phù hợp hơn với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất - phương thức sản xuất xã hội chủ nghĩa.❑

Tài liệu tham khảo

1. Blanchard, Olivier, Giovanni Dell Ariccia và Paolo Mauro, 2010, *Rethinking Macroeconomic Policy*, IMF Staff Position Note, Bản điện tử tại: http://www.imf.org/external/pubs/ft/spn/2010/spn1003.pdf
2. Buchholz, Todd, 2007, *Ý tưởng mới từ các kinh tế gia tiền bối*.
3. Keynes, J. M., 1913, *Indian Currency and Finance.* In lại trong *Keynes, Collected Writings*. Vol. 1.
4. Keynes, J. M., 1919, *The Economic Consequences of the Peace.* In lại trong 5. Keynes, *Collected Writings*. Vol. 2.
6. Keynes, J. M., 1920, *The Economic Consequences of the Peace.* New York: Harcourt, Brace, and Howe. Bản điện tử tại: http://www.econlib.org/library/YPDBooks/Keynes/kynsCP.html.
7. Keynes, J. M., 1923, *A Tract on Monetary Reform.* In lại trong Keynes, *Collected Writings.* Vol. 4.
8. Keynes, J. M., 1930, *A Treatise on Money,* Vol. 1: The Pure Theory of Money. In lại trong Keynes, *Collected Writings*. Vol. 5.
9. Keynes, J. M., 1930, *A Treatise on Money,* Vol. 2: The Applied Theory of Money, Reprinted in Keynes, Collected Writings, Vol. 6.
10. Keynes, J. M., 1936, *The General Theory of Employment, Interest and Money,* In lại trong Keynes, Collected Writings, Vol. 7.
11. V.I.Lênin, 1920, *Báo cáo tại Đại hội lần thứ 2 của Quốc tế cộng sản*, Bản điện tử: https://www.marxists.org/archive/lenin/works/1920/jul/x03.htm
12. Các Mác và Ph.Ăng-ghen, 1995, *Toàn tập*. Tập 3. (1845-1847). Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
13. Phạm Văn Chiến, 2008, *"Trường phái chính hiện đại" có tồn tại hay không?,* Tạp chí Khoa học ĐHQGHN, Kinh tế - Luật 24 (2008) 49-54
14. Royal Economic Society, 2009, *Krugman on Keynes*, Bản điện tử tại: http://www.res.org.uk/view/art2Jan09Features.html
15. Skidelsky, Robert , 2009, *The Return of the Master*, Allen Lane.
16. Skidelsky, Robert , 2011, *The Relevance of Keynes*, Cambridge Journal of Economics, Vol. 35:1, pp 1-13